

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 03/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 10/01/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Hạnh.

2. Bà Trần Thị Hương Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN: Bà Vũ Thị Năm,
Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm 1985;

Trú tại: Xóm L, xã D, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Đào Văn P1, sinh năm 1982;

Trú tại: Xóm L, xã D, huyện VN, tỉnh TN.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế V – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện VN.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị P trình bày: Năm 2003 chị và anh Đào Văn P1 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Nung, huyện VN, tỉnh TN; Về con chung: Có hai con chung là cháu Đào Văn Hải, sinh ngày 12/12/2004 và cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006; Về tài sản chung; Không có.

Về khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị Lý Thị P xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Đào Văn P1 để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình. Về con chung: Cháu Đào Văn Hải đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006 chị có nguyện vọng được nuôi cháu Đức không yêu cầu anh P1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Chị P đã trả trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh P1 phải có trách nhiệm trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về án phí: Chị Lý Thị P nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Đào Văn P1 trình bày: Năm 2003 anh và chị Lý Thị P làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Nung, huyện VN, tỉnh TN; Về con chung: Có hai con chung là cháu Đào Văn Hải, sinh ngày 12/12/2004 và cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006; Về tài sản chung: Không có.

Về khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Nay chị P ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Nếu như bắt buộc phải ly hôn anh nhất trí về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; về con chung tùy nguyện vọng của các con; Về khoản nợ chị P đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN 10.000.000 đồng. Còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) anh P1 sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN số tiền còn lại.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế

V – Phó giám đốc trình bày: Ngày 09/3/2022 Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN cho vợ chồng chị P và anh P1 vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), lãi xuất 7,92%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/3/2027. Ngày 10/01/2023 Chị P đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN 10.000.000 đồng . tính đến thời điểm xét xử chị P và anh P1 còn nợ tổng số tiền gốc là 10.000.000 đồng thời hạn trả ngày 09/3/2027. Nay Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN đề nghị anh P1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi khi đến kỳ hạn phải thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; 56; 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Đào Văn P1. Về con chung: Cháu Đào Văn Hải, sinh ngày 12/12/2004 đã đủ 18 tuổi nên đề nghị không giải quyết. Cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006 giao cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không giải quyết vì chị P không yêu cầu; Về tài sản chung: Không giải quyết vì chị P không yêu cầu.

Về khoản nợ chung: Anh P1 có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền gốc và lãi khi đến kỳ hạn phải thanh toán.

Về án phí: Chị P phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

[2]. Về nội dung: Năm 2003 chị P và anh P1 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân xã Thượng Nung, huyện VN, tỉnh TN, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị P thấy không còn tình cảm với anh P1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P1. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Cháu Đào Văn Hải, sinh ngày 12/12/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006 cho chị P có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời cháu Đức cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, do đó giao cháu Đức cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đức đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ chung: Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Chị Lý Thị P đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Hiện tại còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện VN 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền gốc thời hạn trả 09/3/2027. Tại phiên tòa các bên thống nhất thỏa thuận anh Đào Văn P1 có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền gốc và lãi khi đến kỳ hạn phải thanh toán, nên anh P1 sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ còn lại này.

Về án phí: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ các Điều 51, 56; 57, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị P, cho chị P được ly hôn anh Đào Văn P1.

Về con chung: Cháu Đào Văn Hải, sinh ngày 12/12/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Giao cháu Đào Văn Đức, sinh ngày 28/12/2006 cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P1 vì chị P chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ chung: Anh Đào Văn P1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TN – Phòng giao dịch huyện VN số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc và lãi khi đến kỳ hạn phải thanh toán.

4. Án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004993 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Huyền